

Số: 01 /BC-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 01 năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
<b>ĐẾN</b>	Số: 04.....
	Ngày: 05/01.....
	Chuyên:.....

## BÁO CÁO

### Kết quả đánh giá, xếp loại

### công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2014

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011-2020, ngày 26/02/2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 402/QĐ-UBND về quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh (cấp sở), UBND các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; đồng thời, trên cơ sở Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 07/4/2015 về đánh giá, xếp loại công tác CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2014 và năm 2015, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành tổ chức, triển khai thực hiện việc đánh giá, chấm điểm, kết quả như sau:

### **I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC CCHC NĂM 2014**

#### **1. Đối tượng**

- Ở cấp sở: có 21 sở, ban, ngành cấp tỉnh thực hiện đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2014.
- Ở cấp huyện: có 09 huyện, thị xã, thành phố là đối tượng xác định đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2014.

#### **2. Phương pháp xác định đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2014**

Theo quy định tại Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 26/02/2015 của UBND việc tỉnh đánh giá, xếp loại công tác CCHC được xây dựng thành 02 bộ tiêu chí khác nhau theo đặc thù của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh gồm 02 lĩnh vực, 12 tiêu chí và 69 tiêu chí thành phần. Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại UBND các huyện, thị xã, thành phố gồm 02 lĩnh vực, 12 tiêu chí và 72 tiêu chí thành phần. Tổng số điểm đánh giá là 100 điểm.

Việc đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần được thực hiện theo trình tự sau:

- Tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng thẩm định chấm điểm số của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Hội đồng thẩm định điểm số của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố với sự giải trình của tổ chuyên viên giúp việc, đề trình UBND tỉnh quyết định.

### **3. Tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành UBND cấp huyện:**

Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí thành phần gửi báo cáo về Sở Nội vụ kèm theo tài liệu kiểm chứng để chứng minh cho kết quả tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2014 của cơ quan, đơn vị mình (tài liệu kiểm chứng là: Kế hoạch, báo cáo, quyết định, số liệu thống kê các lĩnh vực CCHC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận để tính điểm tiêu chí thành phần. Đối với những tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng thì cơ quan, đơn vị giải trình cụ thể về việc tự đánh giá, chấm điểm).

## **II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2014:**

### **1. Công tác tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị:**

Trên cơ sở Quyết định số 402/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 07/4/2015 của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tiến hành tổng hợp kết quả triển khai CCHC năm 2014 theo các tiêu chí và xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm gửi Sở Nội vụ theo quy định. Đến tháng 5 năm 2015, đã có 20/21 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 04/09 đơn vị cấp huyện đã gửi báo cáo và kèm tài liệu kiểm chứng.

Sau khi nhận được báo cáo tự đánh giá, kèm theo tài liệu kiểm chứng của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Nội vụ đã tiến hành đối chiếu giữa báo cáo tự chấm điểm với tài liệu kiểm chứng kèm theo để đề nghị bổ sung tài liệu kiểm chứng và báo cáo giải trình để xác định rõ kết quả CCHC của từng cơ quan, đơn vị (theo Công văn số 594/SNV-CCHC ngày 25/6/2015).

Qua công tác rà soát, đối chiếu thì hầu hết các cơ quan, đơn vị đã quan tâm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-UBND của UBND tỉnh, hồ sơ tài liệu kiểm chứng tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, đây là năm đầu tiên triển khai đánh giá, xếp loại, do đó có nhiều sở, ban, ngành thực hiện chậm so với thời gian quy định, hồ sơ, báo cáo, tài liệu kiểm chứng chưa đúng so với yêu cầu và hướng dẫn. Đặc biệt một số đơn vị mặc dù được nhắc nhở, đôn đốc nhiều lần nhưng vẫn cố tình chậm trễ trong triển khai công tác tổ chức tự đánh giá, chấm điểm, tài liệu kiểm chứng còn khá sơ sài dẫn đến điểm số còn thấp. Riêng UBND thành phố Huế không cung cấp tài liệu kiểm chứng, do vậy không có cơ sở thẩm định kết quả, xếp loại năm 2014.

### **2. Công tác thẩm định đánh giá, xếp loại**

Hội đồng thẩm định, Tổ Chuyên viên giúp việc Hội đồng thẩm định được thành lập theo Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 của UBND tỉnh đã

hợp, thống nhất nội dung, phương pháp làm việc, cách thức thẩm định, kiểm tra, đối chiếu tính điểm theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định theo Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 26/2/2015 của UBND tỉnh.

Việc thẩm định nhằm rà soát lại kết quả tự đánh giá của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng trong đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần được thực hiện theo trình tự:

- Tổ Chuyên viên giúp việc Hội đồng thẩm định chấm điểm số của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Hội đồng thẩm định điểm số của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố với sự giải trình của tổ chuyên viên giúp việc, đề trình UBND tỉnh quyết định.

Việc chấm điểm, thẩm định đã được các thành viên Hội đồng thẩm định và Tổ Chuyên viên giúp việc thực hiện một cách nghiêm túc, có trách nhiệm, rà soát, đánh giá kỹ từng văn bản, tài liệu kiểm chứng có liên quan để chấm điểm.

Bên cạnh thẩm định theo các tài liệu kiểm chứng, Hội đồng thẩm định và Tổ Chuyên viên giúp việc còn sử dụng các thông tin, dữ liệu thống kê theo dõi của các đơn vị (Sở Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông) để hỗ trợ cho việc chấm điểm, thẩm định. Nhờ đó, các kết quả tự đánh giá của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố được rà soát kỹ lưỡng với các văn bản xác thực, hợp lý, bảo đảm kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chí thành phần được chính xác, công bằng.

Là năm đầu tiên triển khai đánh giá, xếp loại nên Hội đồng thẩm định chưa thực hiện chấm điểm đối với các tiêu chí điểm cộng và điểm trừ tại bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại.

### **III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2014:**

#### **1. Kết quả đánh giá, xếp loại công tác CCHC các sở, ban, ngành cấp tỉnh**

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Điểm thẩm định</b>	<b>Vị thứ</b>
1	Sở Nội vụ	91,50	69,95	1
2	Sở Tư pháp	85,50	68,50	2
3	Sở Khoa học và Công nghệ	79,75	67,75	3
4	Sở Công Thương	78,50	66,00	4
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	83,50	65,70	5

6	Văn phòng UBND tỉnh	90,00	65,70	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	89,00	65,50	7
8	Sở Xây dựng	80,05	65,50	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	94,50	63,75	9
10	Thanh tra tỉnh	80,00	63,30	10
11	Sở Giao thông Vận tải	93,50	61,75	11
12	Sở Thông tin và Truyền thông	83,50	61,75	
13	Sở Y tế	69,75	60,25	13
14	Sở Tài chính	76,75	58,45	14
15	Ban QL các Khu công nghiệp	77,00	57,35	15
16	Sở Ngoại vụ	72,25	55,85	16
17	Ban QL Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	58,50	54,35	17
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	88,50	52,25	18
19	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	84,50	50,25	19
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		48,75	20
21	Ban Dân tộc	35,50	48,05	21

Điểm bình quân chung của 21 sở, ban, ngành cấp tỉnh theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2014 là: 60,18/100 điểm. Sở Nội vụ đạt điểm số cao nhất với 69,95 điểm.

Có 6/21 sở, ban, ngành đạt được từ 65 đến 70 điểm, xếp vào nhóm khá, chiếm tỷ lệ 28,6% trong tổng số sở, ban, ngành cấp tỉnh, gồm các sở: Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng UBND tỉnh.

Có 13/21 sở, ban, ngành đạt được từ 50 đến 65 điểm, xếp vào nhóm trung bình, chiếm tỷ lệ 61,9%.

Có 2/21 sở, ban, ngành đạt dưới 50 điểm, xếp vào nhóm thấp, chiếm tỷ lệ 9,5% gồm Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ban Dân tộc.

Qua xác định đánh giá, xếp loại công tác CCHC 2014 cho thấy, đa số những sở, ban, ngành đạt điểm cao là những đơn vị có đầy đủ tài liệu kiểm chứng, coi trọng công tác chỉ đạo, điều hành, nghiêm túc trong xây dựng các kế

hoạch và có sự kiểm tra, báo cáo thống kê đầy đủ, có chất lượng về các nội dung CCHC. Đánh giá, xếp loại công tác CCHC 2014 cũng cho thấy nhiều đơn vị đạt chỉ số thấp trong lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC đã dẫn đến kết quả chỉ số tổng hợp thấp.

### **1.1. Điểm số thành phần theo từng lĩnh vực, tiêu chí:**

#### **1.1.1. Lĩnh vực công tác chỉ đạo, điều hành; thông tin, tuyên truyền và kiểm tra CCHC:**

Công tác chỉ đạo, điều hành; thông tin, tuyên truyền và kiểm tra CCHC có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện tốt, có hiệu quả các mục tiêu của CCHC. Trách nhiệm của người đứng đầu trong tham mưu cho UBND tỉnh triển khai công tác CCHC, tổ chức thực hiện CCHC tại đơn vị được minh chứng bằng các văn bản cụ thể (như: các kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, kế hoạch tuyên truyền CCHC và báo cáo CCHC được ban hành đầy đủ, kịp thời, có chất lượng) và việc bố trí nguồn lực cho CCHC. Nổi bật có các Sở: Nội vụ, Giao thông Vận tải, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Công Thương.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều sở, ban, ngành chưa coi trọng và ít quan tâm tới việc ban hành kế hoạch CCHC, kiểm tra CCHC, tuyên truyền, có những giải pháp thích hợp đẩy mạnh CCHC làm cho điểm số của đơn vị thấp như: Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong năm 2014, do tỉnh chưa xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của sở, ban, ngành cấp tỉnh nên nội dung này không chấm điểm ở tất cả các đơn vị.

#### **1.1.2. Lĩnh vực kết quả thực hiện các nội dung cụ thể của công tác CCHC:**

- Tiêu chí cải cách thể chế: Là một nội dung quan trọng và được tổ chức thực hiện từ những năm đầu triển khai Kế hoạch CCHC của tỉnh giai đoạn 2011-2015. Hằng năm, theo sự chỉ đạo và phân công của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành đã kịp thời tham mưu, dự thảo các quyết định, đề án, chỉ thị và các văn bản khác; đồng thời đều nắm bắt và thực hiện đúng quy trình cũng như sự hướng dẫn của Sở Tư pháp nhằm tham mưu ban hành đúng, đầy đủ các văn bản theo quy định.

Nhìn chung, các sở, ban, ngành cấp tỉnh đều đạt được điểm số ở tiêu chí này. Tuy nhiên, vì việc tham mưu ban hành chính sách thuộc lĩnh vực, ngành quản lý chưa có báo cáo hoặc chưa tham mưu kịp thời theo kế hoạch nên nhiều cơ quan đạt điểm thấp ở tiêu chí này, như các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, BQL Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, BQL các Khu công nghiệp, Văn phòng UBND tỉnh.

- Tiêu chí cải cách thủ tục hành chính (TTHC): Chiếm số điểm khá lớn (13 điểm), tiêu chí này được xây dựng và đánh giá trên các tiêu chí thành phần: Việc ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC; công tác thống kê, rà soát TTHC; rà soát đánh giá TTHC; kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; tình hình tiếp nhận cũng như việc xử lý các phản ánh kiến nghị đối với các quy định hành chính và TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan. Điểm số tại tiêu chí này được

thể hiện không giống nhau tại các cơ quan. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tư pháp có điểm số cao nhất tại nội dung này.

- Tiêu chí cải cách tổ chức bộ máy: Một số sở, ban, ngành chưa đạt điểm số cao ở tiêu chí này; vì các cơ quan chưa kịp thời rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, không cung cấp quy chế làm việc hoặc quy chế phối hợp với các cơ quan liên quan có sự tham gia quản lý liên ngành.

- Tiêu chí thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Với điểm số lớn nhất (20 điểm), tuy nhiên số điểm đạt được ở các sở, ban, ngành cấp tỉnh là khá thấp (bình quân chung là 11,67/20 điểm) do chưa thực hiện tốt quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa và chưa có tài liệu kiểm chứng thuyết phục. Với điểm số 15,5 điểm, Sở Kế hoạch và Đầu tư đứng đầu cho tiêu chí này. Ban Dân tộc và Thanh tra tỉnh đạt 14 điểm xếp vị trí thứ 2 do quy định tính 70% số điểm đối với các đơn vị đặc thù (không có nhiệm vụ).

- Tiêu chí xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Hầu hết các cơ quan đạt được điểm số cao ở tiêu chí này, một số cơ quan đạt điểm thấp do chưa thực hiện chế độ báo cáo về tình hình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiêu chí cải cách tài chính công: Những đơn vị có quan tâm và cụ thể hóa bằng việc ban hành các quy chế triển khai và thực hiện công khai, minh bạch; đồng thời, có thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ thì sẽ đạt được số điểm khá cao trong nội dung này, cụ thể như: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Công Thương, BQL Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô

Tiêu chí hiện đại hóa nền hành chính: được đánh giá trên cơ sở chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin năm 2014 và tình hình triển khai ISO của các cơ quan. Văn phòng UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường có điểm số cao nhất với 8,5/10 điểm. Riêng Sở Lao động, Thương binh và Xã hội không đạt được điểm nào trong tiêu chí này.

## 2. Kết quả đánh giá, xếp loại công tác CCHC cấp huyện:

TT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Vị thứ
1	UBND huyện Phú Lộc	71,5	68,5	1
2	UBND huyện A Lưới	72,5	62,0	2
3	UBND huyện Phú Vang	78,5	59,3	3
4	UBND thị xã Hương Thủy	81,0	59,3	
5	UBND huyện Nam Đông	81,0	56,5	5
6	UBND huyện Quảng Điền	69,5	52,5	6

7	UBND thị xã Hương Trà	65,3	45,8	7
8	UBND huyện Phong Điền	94,0	40,0	8
9	UBND thành phố Huế	Không xếp loại		

Điểm trung bình đạt được của 8 huyện, thị xã (thành phố Huế không tham gia chấm điểm) theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2014 là: 54,47/100 điểm. Huyện Phú Lộc đứng đầu với số điểm đạt được là: 68,5 điểm.

Có 1/8 huyện, thị xã đạt được từ 65 đến 70 điểm, xếp vào nhóm khá, chiếm tỷ lệ 13% trong tổng số huyện, thị xã, là huyện Phú Lộc.

Có 5/8 huyện, thị xã đạt được từ 50 đến 65 điểm, xếp vào nhóm trung bình, chiếm tỷ lệ 62,5%.

Có 2/8 huyện, thị xã đạt dưới 50 điểm, xếp vào nhóm thấp, chiếm tỷ lệ 25%, là huyện Phong Điền và thị xã Hương Trà.

### **1.1. Điểm số thành phần theo từng lĩnh vực, tiêu chí:**

#### **2.1.1. Lĩnh vực công tác chỉ đạo, điều hành; thông tin, tuyên truyền và kiểm tra CCHC:**

Thể hiện qua việc ban hành kế hoạch CCHC năm, báo cáo CCHC hàng quý, 6 tháng và năm, kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác CCHC, tuyên truyền CCHC. Một số địa phương có điểm số cao như các huyện Phú Lộc (25,8 điểm), A Lưới (22,5 điểm), Phú Vang (21,5 điểm). Ngược lại, các địa phương chậm ban hành hoặc không ban hành các kế hoạch, có điểm số thấp như huyện Quảng Điền (16,5 điểm), Phong Điền (12,8 điểm).

Trong năm 2014, do tỉnh chưa xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của UBND cấp huyện nên nội dung này không chấm điểm ở tất cả các địa phương.

#### **2.1.2. Lĩnh vực kết quả thực hiện các nội dung cụ thể của công tác CCHC:**

- Tại tiêu chí cải cách thể chế: Các huyện, thị xã đều đạt điểm cao ở tiêu chí này, tuy nhiên huyện A Lưới và thị xã Hương Trà đạt điểm thấp nhất (2/6 điểm).

- Tiêu chí cải cách TTHC: Được đánh giá trên khá nhiều tiêu chí thành phần với số điểm tương đối lớn 12,5/72 điểm. Huyện Phú Vang và thị xã Hương Thủy đạt số điểm khá cao (10,3/12,5 điểm) là do địa phương đã sớm ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch rà soát TTHC, công bố và cập nhật các quy định TTHC; nhất là các TTHC trọng tâm được rà soát trong năm. Ngược lại, huyện Phong Điền và thị xã Hương Trà có số điểm khá thấp (lần lượt là 7,8 và 6,5 điểm).

- Tiêu chí cải cách tổ chức bộ máy hành chính: Các huyện có số điểm khá thấp ở tiêu chí này; huyện Phú Lộc và huyện A Lưới đạt điểm cao nhất là 3/5 điểm; các địa phương khác chỉ đạt từ 1 đến 2 điểm; cá biệt có huyện Phong

Điền và thị xã Hương Trà không có điểm ở tiêu chí này (do không có tài liệu kiểm chứng).

- Tiêu chí thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Được đánh giá qua 13 tiêu chí thành phần với tổng số 18,5 điểm. Huyện Phú Lộc và thị xã Hương Thủy có điểm số cao nhất (lần lượt là 10 và 10,5 điểm), trong khi đó, huyện Phong Điền và thị xã Hương Trà chỉ đạt 4 và 4,5 điểm, do chưa thực hiện tốt quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, chưa thống kê số lượng hồ sơ giải quyết và các tài liệu kiểm chứng chưa thuyết phục.

- Tiêu chí xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Các huyện, thị xã đều đạt điểm cao ở tiêu chí này, có 7/8 huyện đạt số điểm từ 7 đến 10 điểm. Riêng thị xã Hương Trà đạt thấp nhất 4,5 điểm.

- Tiêu chí cải cách tài chính công: Qua báo cáo của Sở Tài chính cho thấy, các huyện, thị xã đã thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc cũng như của UBND cấp xã trên địa bàn thuộc huyện quản lý. Tuy nhiên, điểm số đạt được ở tiêu chí này là rất thấp (điểm số bình quân của các huyện, thị xã là 1,94/7 điểm; huyện A Lưới và huyện Quảng Điền đạt 4,5 và 3,5 điểm; còn lại các địa phương vị khác chỉ đạt từ 1 đến 2 điểm; huyện Phong Điền đạt 0,5 điểm) là do các địa phương chưa thực hiện một cách nghiêm túc công tác báo cáo tài chính theo đúng thời gian, chất lượng đã được Sở Tài chính quy định.

- Tiêu chí hiện đại hóa nền hành chính: Tiêu chí này chỉ tập trung vào 02 nội dung lớn: Vị thứ trong bảng xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh (ICT) và tình hình thực hiện ISO trong hoạt động của địa phương. Thị xã Hương Trà có điểm số cao nhất với 7/10 điểm, huyện Phong Điền chỉ đạt 3,5 điểm trong tiêu chí này.

#### **IV. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ**

##### **1. Ưu điểm**

- Việc tổ chức công tác tự đánh giá, chấm điểm được các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã tiến hành nghiêm túc. Việc thẩm định được triển khai kỹ lưỡng, phát huy được sự tham gia của các sở, ngành liên quan để giúp cho Hội đồng thẩm định có cơ sở quyết định điểm đánh giá đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần một cách khách quan, công bằng, dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng đảm bảo độ tin cậy.

- Kết quả đánh giá, xếp loại công tác CCHC phản ánh khách quan, trung thực kết quả triển khai CCHC thực tế của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2014 và là cơ sở quan trọng giúp người đứng đầu các cơ quan, đơn vị xác định được những mặt mạnh, mặt yếu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2014. Từ đó có các giải pháp, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp trong việc thực hiện kế hoạch công tác CCHC năm 2015 và những năm tiếp theo.

##### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đến đánh giá, chấm điểm công tác CCHC như: Thực hiện báo cáo, cung cấp tài liệu kiểm chứng còn chậm so



với với thời gian quy định; việc bổ sung tài liệu và báo cáo giải trình chưa theo yêu cầu. Riêng thành phố Huế không cung cấp tài liệu kiểm chứng nên không có cơ sở đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2014.

- Công tác thống kê, tổng hợp, theo dõi của một số sở chuyên ngành chưa thường xuyên, đồng bộ nên còn hạn chế trong việc quyết định điểm số của một số tiêu chí; nhất là chưa thực hiện chấm điểm đối với các tiêu chí điểm cộng và điểm trừ tại bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại.

- Tiến độ thực hiện Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 26/02/2015 của UBND tỉnh còn chậm so với kế hoạch.

## V. PHƯƠNG HƯỚNG THỜI GIAN TỚI:

### 1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2014, các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai, phổ biến, tuyên truyền để nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong công tác CCHC. Tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả đánh giá, xếp loại năm 2014 để tìm nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng và trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong công tác CCHC. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC hằng năm để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC của cơ quan, đơn vị mình.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại công tác CCHC hàng năm, để kết quả đánh giá chính xác, khách quan và được công bố đúng thời gian quy định. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm nghiêm túc, thực chất, sát với tình hình triển khai thực hiện CCHC của cơ quan, đơn vị.

- Rà soát, phản ánh, kiến nghị với UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) những vấn đề chưa hợp lý về nội dung, phương pháp xác định kết quả đánh giá, xếp loại công tác CCHC.

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát, đề xuất bổ sung các tiêu chí thành phần đánh giá, xếp loại công tác CCHC của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đánh giá chính xác, phù hợp với thực tiễn việc triển khai công tác CCHC trên địa bàn. /...  
/...  
/...

### Nơi nhận:

- TV Tỉnh ủy;
- Thường trực và các Ban HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Lưu: VT, CCHC. ✓



**Nguyễn Văn Cao**



TT	Đơn vị		I: CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH														TỔNG ĐIỂM
			1,1: Xây dựng Kế hoạch	1,2: Báo cáo CCHC	1,3: Thông tin, tuyên truyền	1,4: Kiểm tra CCHC	1,5: Giải pháp chỉ đạo, điều hành	II: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG				2,1: Cải cách thể chế	2,2: Cải cách TTHC	2,3: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	2,4: Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2,5: Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	ĐTC	19,5	3,5	4,0	7,0	3,0	2,0	64,0	3,5	11,5	5,0	18,5	9,0	6,5	10,0	83,50
		ĐTB	20,8	3,0	3,3	6,5	2,5	5,5	45,0	0,0	10,3	4,5	15,5	6,5	2,7	5,5	<b>65,70</b>
6	Văn phòng UBND tỉnh	ĐTC	24,5	3,0	4,0	7,0	4,5	6,0	65,5	4,0	13,0	5,0	20,0	8,0	5,5	10,0	90,00
		ĐTB	19,1	3,0	3,0	4,5	3,1	5,5	46,6	0,0	9,1	4,5	13,0	6,5	5,5	8,0	<b>65,70</b>
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	ĐTC	23,5	4,0	4,0	8,0	5,5	2,0	65,5	4,0	13,0	5,0	18,5	10,0	7,0	8,0	89,00
		ĐTB	18,5	2,5	3,0	5,0	2,5	5,5	47,0	0,5	12,0	4,5	12,5	9,0	4,0	4,5	<b>65,50</b>
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	ĐTC	27,5	3,5	2,5	8,0	6,5	7,0	67,0	4,0	12,0	4,5	19,0	11,0	7,0	9,5	94,50
		ĐTB	15,0	3,0	1,5	2,0	3,0	5,5	48,8	4,0	9,3	4,5	12,0	8,0	4,5	6,5	<b>63,75</b>
9	Thanh tra tỉnh	ĐTC	23,0	3,5	4,0	6,5	5,0	4,0	57,0	4,0	11,5	5,0	14,0	8,0	6,5	8,0	80,00
		ĐTB	19,1	3,0	3,0	3,5	4,1	5,5	44,2	1,0	8,0	4,0	14,0	6,5	3,2	7,5	<b>63,30</b>
10	Sở Giao thông Vận tải	ĐTC	27,5	4,0	4,0	7,0	5,5	7,0	66,0	4,0	12,5	5,0	18,5	11,0	7,0	8,0	93,50
		ĐTB	21,8	4,0	3,8	5,0	3,5	5,5	40,0	2,0	7,5	4,0	10,0	8,5	2,0	6,0	<b>61,75</b>

TT	Đơn vị		I: CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH															
			1,1: Xây dựng Kế hoạch	1,2: Báo cáo CCHC	1,3: Thông tin, tuyên truyền	1,4: Kiểm tra CCHC	1,5: Giải pháp chỉ đạo, điều hành	II: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG					2,1: Cải cách thể chế	2,2: Cải cách TTHC	2,3: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	2,4: Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2,5: Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	2,6: Cải cách tài chính công
11	Sở Thông tin và Truyền thông	ĐTC	17,5	4,0	3,5	4,0	3,0	3,0	66,0	4,0	12,0	5,0	19,0	9,0	7,0	10,0	83,50	
		ĐTB	17,0	2,5	3,0	5,0	1,0	5,5	44,8	0,5	9,3	5,0	10,5	9,0	4,5	6,0	61,75	
12	Sở Y tế	ĐTC	17,0	2,5	4,0	4,0	5,0	1,5	52,8	2,0	10,0	5,0	14,8	6,5	6,0	8,5	69,75	
		ĐTB	17,3	3,0	3,3	3,0	2,5	5,5	43,0	2,0	8,0	4,5	12,0	7,0	3,5	6,0	60,25	
13	Sở Xây dựng	ĐTC	22,3	3,0	4,0	6,0	4,5	4,8	57,8	3,0	9,8	4,0	18,0	9,0	7,0	7,0	80,05	
		ĐTB	17,0	3,0	4,0	4,5	0,0	5,5	41,5	1,0	8,5	4,5	12,5	8,0	3,0	4,0	58,50	
14	Sở Tài chính	ĐTC	21,0	3,5	2,5	7,0	3,5	4,5	55,8	4,0	10,3	5,0	12,5	9,0	6,0	9,0	76,75	
		ĐTB	17,0	3,0	1,5	3,5	3,5	5,5	41,5	3,0	8,8	4,5	9,5	6,5	5,2	4,0	58,45	
15	Ban QL các Khu công nghiệp	ĐTC	21,0	3,5	2,5	5,0	5,0	5,0	63,0	3,0	12,3	5,0	15,8	11,0	7,0	9,0	84,00	
		ĐTB	16,1	2,0	1,5	3,0	4,1	5,5	41,3	0,0	7,3	5,0	11,5	7,0	3,5	7,0	57,35	
16	Sở Ngoại vụ	ĐTC	18,3	2,8	4,0	5,5	4,0	2,0	54,0	2,0	11,0	5,0	16,5	10,0	6,5	3,0	72,25	
		ĐTB	20,4	3,0	2,8	4,5	4,6	5,5	35,5	0,0	7,5	4,0	11,5	6,5	2,5	3,5	55,85	

TT	Đơn vị	I: CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH										II: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG							TỔNG ĐIỂM
		DTC	DTĐ	DTC	DTĐ	DTC	DTĐ	DTC	DTĐ	DTC	DTĐ	DTC	DTĐ	DTC	DTĐ	DTC	DTĐ		
17	Ban QL Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	DTC	21,0	3,5	3,0	4,0	5,5	5,0	37,5	4,0	12,0	5,0	16,5	10	4,5	9	58,50		
		DTĐ	16,4	2,5	3,3	3,0	2,1	5,5	38,0	0,0	8,0	4,0	9,5	5,0	5,0	5,0	6,5	54,35	
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	DTC	27,0	4,0	3,0	7,0	7,0	6,0	61,5	4,0	13,0	5,0	17,0	8,0	6,0	8,5	88,50		
		DTĐ	15,3	3,5	1,8	4,5	0,0	5,5	37,0	0,0	9,0	4,0	10,5	4,5	0,5	8,5	52,25		
19	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	DTC	22,5	4,0	4,0	7,5	5,0	2,0	62,0	4,0	13,0	5,0	17,0	10,0	7,0	6,0	84,50		
		DTĐ	18,0	3,5	3,0	4,0	2,0	5,5	32,3	1,0	7,8	4,0	11,0	6,5	2,0	0,0	50,25		
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	DTC																	
		DTĐ	16,3	2,0	2,3	5,5	1,0	5,5	32,5	1,0	7,5	4,0	9,5	4,5	3,0	3,0	48,75		
21	Ban Dân tộc	DTC	9,5	1,0	3,0	4,5	1,0	0,0	26,0	0,0	8,0	1,0	1,5	7,0	4,5	4,0	35,50		
		DTĐ	14,6	0,0	2,5	4,5	2,1	5,5	33,5	4,0	6,3	3,5	14,0	4,5	1,2	0,0	48,05		

DTC: Điểm tự chấm

DTĐ: Điểm thẩm định



**TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CCHC NĂM 2014**  
**UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

TT	Đơn vị		I: CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH 1,1: Xây dựng Kế hoạch 1,2: Báo cáo CCHC 1,3: Thông tin, tuyên truyền 1,4: Kiểm tra CCHC 1,5: Giải pháp chỉ đạo, điều hành II: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG 2,1: Cải cách thể chế 2,2: Cải cách TTHC 2,3: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính 2,4: Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông 2,5: Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức 2,6: Cải cách tài chính công 2,7: Hiện đại hoá nền hành chính														TỔNG ĐIỂM
			Điểm chuẩn	28,0	4,0	4,5	8,5	5,0	6,0	72,0	6,0	12,5	5,0	18,5	14,0	7,0	
1	UBND huyện Phú Lộc	DTC	15,0	4,0	4,5	6,5	5,0	1,5	56,5	4,5	12,5	5,0	14,0	9,0	7,0	4,5	71,5
		ĐTĐ	25,8	4,0	4,3	7,5	5,0	5,0	42,8	5,0	9,3	3,0	10,0	8,0	2,5	5,0	68,5
2	UBND huyện A Lưới	DTC	18,5	3,0	4,5	5,5	4,5	1,0	54,0	3,0	9,5	5,0	16,5	9,5	4,0	6,5	72,5
		ĐTĐ	22,5	3,0	4,5	5,0	5,0	5,0	39,5	2,0	9,0	3,0	7,0	10,0	4,5	4,0	62,0
3	UBND huyện Phú Vang	DTC	21,5	4,0	4,5	6,5	5,0	1,5	57,0	6,0	11,5	5,0	12,5	9,0	6,0	7,0	78,5
		ĐTĐ	21,5	3,0	4,0	5,0	4,5	5,0	37,8	5,0	10,3	2,0	6,0	9,0	1,0	4,5	59,3
4	UBND thị xã Hương Thủy	DTC	21,5	4,0	4,5	6,5	5,0	1,5	59,5	5,5	9,0	5,0	16,0	8,5	7,0	8,5	81,0
		ĐTĐ	17,5	3,0	4,0	4,5	1,0	5,0	41,8	4,0	10,3	1,0	10,5	8,5	1,0	6,5	59,3

TT	Đơn vị											TỔNG ĐIỂM				
5	UBND huyện Nam Đông	<b>I: CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>										81,0				
		DTC	21,5	4,0	4,5	6,5	5,0	1,5	59,5	5,5	9,0		5,0	16,0	8,5	7,0
6	UBND huyện Quảng Điền	<b>II: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG</b>										56,5				
		DTD	19,5	3,0	3,0	5,5	3,0	5,0	37,0	5,0	9,5		2,0	5,5	7,0	1,5
7	UBND thị xã Hương Trà	DTC	16,5	4,0	4,5	4,5	0,0	3,5	53,0	5,5	11,5	4,0	11,5	8,0	4,5	8,0
		DTD	16,5	3,5	4,5	2,5	1,0	5,0	36,0	5,0	9,0	1,0	5,5	7,5	3,5	4,5
8	UBND huyện Phong Điền	DTC	24,8	3,8	4,5	6,5	4,5	5,5	40,5	6,0	12,5	5,0	17,0	10,0	6,0	9,0
		DTD	20,3	3,0	2,8	5,0	4,5	5,0	25,5	2,0	6,5	0,0	4,5	4,5	1,0	7,0
9	UBND thành phố Huế	DTC	26,0	3,5	3,5	8,5	5,0	5,5	68,0	6,0	12,5	5,0	16,5	12,0	7,0	9,0
		DTD	12,8	2,5	1,3	0,5	3,5	5,0	27,3	4,0	7,8	0,0	4,0	7,5	0,5	3,5
		<b>TỔNG ĐIỂM</b>										<b>40,0</b>				

DTC: Điểm tự chấm

DTD: Điểm thẩm định